

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 3 - 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 6 - 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 8 - 32 |



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Bùi Minh Tiến | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2011) |
| Ông Nguyễn Xuân Thắng | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2011) |
| Bà Nguyễn Thị Hiền | Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2011) |
| Ông Cao Hoài Dương | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2011) |
| Ông Phạm Đăng Nam | Ủy viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2011) |
| Ông Bùi Quang Hưng | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Đức Hòa | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|--|
| Ông Cao Hoài Dương | Tổng Giám đốc |
| Ông Từ Cường | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Việt Dũng | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2011) |
| Ông Nguyễn Đức Thành | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2011) |
| Ông Lê Văn Quốc Việt | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Tông | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Chu Thị Hiền | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hồng Vinh | Phó Tổng Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 3 năm 2012
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 895/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 3 đến trang 32. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

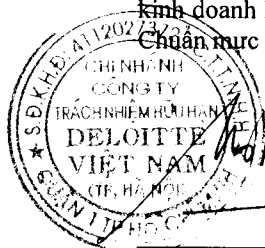
Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 05 tháng 3 năm 2012
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Văn Tân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 6.041.065.689.804 | 4.825.585.314.646 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 4.070.456.552.343 | 3.748.457.003.885 |
| 1. Tiền | 111 | | 295.456.552.343 | 241.082.663.003 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 3.775.000.000.000 | 3.507.374.340.882 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 202.000.000.000 | 58.500.000.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | 6 | 202.000.000.000 | 58.500.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 464.355.369.431 | 249.941.896.115 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | | 155.810.424.409 | 81.200.353.415 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 151.559.520.332 | 105.082.543.350 |
| 3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | 1.097.519.533 |
| 4. Các khoản phải thu khác | 135 | 7 | 166.322.266.639 | 71.898.321.766 |
| 5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (9.336.841.949) | (9.336.841.949) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 8 | 1.160.376.913.208 | 671.348.990.597 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1.170.599.773.156 | 674.774.862.030 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (10.222.859.948) | (3.425.871.433) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 143.876.854.822 | 97.337.424.049 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 13.029.055.831 | 11.434.197.470 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 119.527.971.996 | 69.575.598.716 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 304.805.911 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 11.015.021.084 | 16.327.627.863 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 3.254.096.938.186 | 2.592.991.072.194 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 2.236.412.726.375 | 1.719.011.531.824 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 1.217.649.752.564 | 899.119.226.532 |
| - Nguyên giá | 222 | | 6.791.323.544.439 | 6.304.085.138.466 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (5.573.673.791.875) | (5.404.965.911.934) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 10 | 714.774.274.574 | 96.067.612.181 |
| - Nguyên giá | 228 | | 896.988.754.023 | 267.944.208.238 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (182.214.479.449) | (171.876.596.057) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 11 | 303.988.699.237 | 723.824.693.111 |
| II. Bất động sản đầu tư | 240 | 12 | 221.618.684.934 | 174.124.237.914 |
| - Nguyên giá | 241 | | 233.281.835.168 | 174.808.376.037 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | (11.663.150.234) | (684.138.123) |
| III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 502.220.263.326 | 370.702.872.939 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 14 | 458.628.905.405 | 27.111.515.018 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 15 | 43.591.357.921 | 343.591.357.921 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 293.845.263.551 | 329.152.429.517 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 16 | 279.019.910.904 | 312.947.856.747 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 14.662.058.447 | 15.310.889.844 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 163.294.200 | 893.682.926 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 9.295.162.627.990 | 7.418.576.386.840 |

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

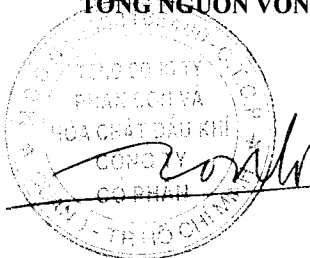
43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 883.206.119.407 | 1.188.354.989.107 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 864.476.078.937 | 924.057.613.623 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 17 | 9.205.641.372 | 85.620.583.998 |
| 2. Phải trả cho người bán | 312 | | 323.540.578.949 | 416.918.064.870 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 12.012.772.578 | 50.107.014.681 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 18 | 106.975.226.211 | 82.058.550.255 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 89.278.373.094 | 52.998.893.642 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 19 | 199.235.356.613 | 187.269.781.984 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | 6.897.966.116 |
| 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | | 33.865.995.534 | 15.465.930.518 |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | 56.022.000 | - |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 90.306.112.586 | 26.720.827.559 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 18.730.040.470 | 264.297.375.484 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 4.653.070.992 | 1.754.838.195 |
| 2. Vay và nợ dài hạn | 334 | 20 | - | 246.087.577.105 |
| 3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 9.123.440.123 | 10.289.578.433 |
| 4. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | 4.868.527.582 | 6.045.381.751 |
| 5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | 85.001.773 | 120.000.000 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 8.227.079.406.507 | 6.193.758.946.548 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 8.227.079.406.507 | 6.193.758.946.548 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | | 3.800.000.000.000 | 3.800.000.000.000 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 977.787.044 | 257.121.998 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (83.961.341.647) | (83.277.130.627) |
| 4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | (74.411.767.146) | (3.530.148.052) |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 1.420.380.501.371 | 849.893.623.484 |
| 6. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 494.715.910.705 | 341.712.214.445 |
| 7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | 554.153.469 | 342.595.703 |
| 8. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 2.668.824.162.711 | 1.288.360.669.597 |
| C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | 22 | 184.877.102.076 | 36.462.451.185 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 9.295.162.627.990 | 7.418.576.386.840 |



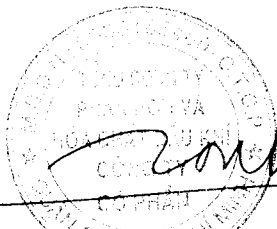
Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 3 năm 2012

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**MẪU B 02-DN**
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2011 | | 2010 | |
|---|-------|-------------|-----------------------|--|----------------------|--|
| | | | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 9.278.861.379.142 | | 6.648.640.613.834 | |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | 52.327.770.303 | | 29.856.615.416 | |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 24 | 9.226.533.608.839 | | 6.618.783.998.418 | |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | 5.191.254.632.483 | | 4.236.094.827.903 | |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 4.035.278.976.356 | | 2.382.689.170.515 | |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 526.679.442.074 | | 343.091.652.535 | |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 27 | 74.038.067.805 | | 81.034.462.821 | |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>27.900.441.399</i> | | <i>8.349.710.449</i> | |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 492.836.265.735 | | 331.845.387.469 | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 502.603.306.568 | | 409.858.160.584 | |
| 10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.492.480.778.322 | | 1.903.042.812.176 | |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 9.447.874.142 | | 36.976.544.576 | |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 2.192.187.845 | | 23.189.419.751 | |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 7.255.686.297 | | 13.787.124.825 | |
| 14. Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết | 45 | | 10.503.381.175 | | 4.811.771.816 | |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 3.510.239.845.794 | | 1.921.641.708.817 | |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 28 | 369.042.805.384 | | 227.514.762.210 | |
| 17. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại | 52 | | 584.880.162 | | (12.742.158.051) | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 3.140.612.160.248 | | 1.706.869.104.658 | |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 36.318.726.268 | | 3.693.114.240 | |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 62 | | 3.104.293.433.980 | | 1.703.175.990.418 | |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 29 | 8.288 | | 4.499 | |



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 3 năm 2012

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2011 | | 2010 | |
|---|-----------|----------------------------|--|----------------------------|--|
| | | | | | |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | | |
| <i>1. Lợi nhuận trước thuế</i> | 01 | 3.510.239.845.794 | | 1.921.641.708.817 | |
| <i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 190.196.427.163 | | 687.289.914.263 | |
| Các khoản dự phòng | 03 | 6.796.988.515 | | 12.640.667.018 | |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | - | | 10.065.177.076 | |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (529.728.699.362) | | (336.133.158.164) | |
| Chi phí lãi vay | 06 | 27.900.441.399 | | 8.349.710.449 | |
| <i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i> | 08 | 3.205.405.003.509 | | 2.303.854.019.459 | |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | (134.819.285.194) | | 682.311.075.305 | |
| Tăng hàng tồn kho | 10 | (495.824.911.126) | | (103.524.001.292) | |
| (Giảm)/Tăng các khoản phải trả | 11 | (27.994.337.978) | | 422.034.550.219 | |
| Giảm/(Tăng) chi phí trả trước | 12 | 32.333.087.482 | | (11.134.545.308) | |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (27.900.441.399) | | (741.113.951) | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (359.489.042.056) | | (263.335.917.897) | |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 128.451.200.000 | | | |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (195.495.058.471) | | (88.261.697.835) | |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | 20 | 2.124.666.214.767 | | 2.941.202.368.700 | |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (781.684.768.892) | | (992.475.769.486) | |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 205.570.669 | | 12.295.946.922 | |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (143.500.000.000) | | - | |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 30.000.000.000 | | - | |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (309.000.000.000) | | (616.059.797.280) | |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 492.205.217.530 | | 330.800.873.221 | |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | 30 | (711.773.980.693) | | (1.265.438.746.623) | |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | | |
| 1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành | 32 | (14.180.236.055) | | (39.981.041.328) | |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 166.650.500.511 | | 126.129.516.996 | |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (489.153.020.242) | | (49.507.553.519) | |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (753.064.360.000) | | (870.072.707.300) | |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | (1.089.747.115.786) | | (833.431.785.151) | |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i> | 50 | 323.145.118.288 | | 842.331.836.926 | |
| <i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i> | 60 | 3.748.457.003.885 | | 2.906.125.166.959 | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (1.145.569.830) | | - | |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i> | 70 | 4.070.456.552.343 | | 3.748.457.003.885 | |

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 72.927.159.793 đồng là số tiền mua sắm tài sản cố định chưa được thanh toán, và bao gồm 44.141.948.337 đồng là giá trị tài sản mua năm trước nhưng thanh toán trong năm nay và 63.156.046.391 đồng là tiền ứng trước để mua tài sản cố định trong năm sau. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần các khoản phải trả và các khoản phải thu.

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

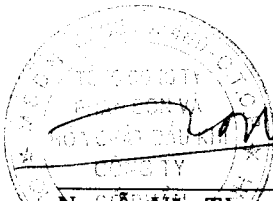
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm 80.000.000.000 đồng là số tiền tạm ứng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) để thực hiện dự án xây dựng Tòa nhà Cao ốc Bạc Liêu theo Thông báo số 8606/TB-DKVN ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, khoản tạm ứng vốn điều lệ này đang được Tổng Công ty theo dõi trên khoản mục “Các khoản phải thu khác” trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần (Tăng)/Giảm các khoản phải thu.

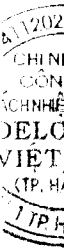
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành bao gồm 13.496.025.035 đồng là số tiền đã ứng trước cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để mua cổ phiếu quỹ của Tổng Công ty, khoản ứng trước tiền mua cổ phiếu quỹ này đang được Tổng Công ty theo dõi trên khoản mục “Trả trước cho người bán” trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần (Tăng) /Giảm các khoản phải thu.



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2012

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 15 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 5 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.826 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.744 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các Công ty con bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

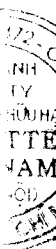
Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế (gọi tắt là "IFRS") về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 31.



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết chưa được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tài sản tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

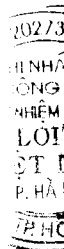
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị sổ sách của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 (thay thế Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003) do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 3 - 6 |
| Phương tiện vận tải | 6 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 5 |

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì doanh nghiệp được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền sáng chế, giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; và Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|----------------------|---------------|
| Quyền sử dụng đất | 44 - 50 |
| Công trình kiến trúc | 25 |

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, chi phí lợi thế kinh doanh, vật tư phụ tùng thay thế, chi phí đào tạo học viên cho Nhà máy Đạm Cà Mau và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Phú Mỹ phản ánh số tiền thuê 634.595,35 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1 được trả trước cho Công ty Đầu tư và Khai thác Hạ tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ 1 với thời gian thuê là 17 năm từ ngày 3 tháng 9 năm 2004. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 531.700.794.477 đồng và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 6 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2007. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 6 năm là phù hợp quy định về tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước, cũng như phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Chi phí dịch vụ đào tạo học viên cho Nhà máy Đạm Cà Mau được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng chưa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, dự kiến Tổng Công ty sẽ ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi quyết toán chi phí trước hoạt động của Nhà máy Đạm Cà Mau.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm, và tiền thuê đã trả trước được phân bổ tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu ngắn hạn và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất.

2012/3
HỊNH
CÔNG
NHỆM
CLOI
ET I
TP. HÀ
TP HC

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 2.694.803.722 đồng, và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng 835.361.854 đồng (31/12/2010: tăng 3.530.148.052 đồng) và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thay đổi một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư trước hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa dầu và xơ sợi dầu khí (PVTEX) – Công ty liên kết của Tổng Công ty, được ghi nhận trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” theo tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết với số tiền 73.576.422.816 đồng, và sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tối đa là 5 năm kể từ ngày PVTEX chính thức vận hành thương mại.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

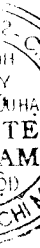
Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tiền mặt | 2.501.956.305 | 1.806.005.513 |
| Tiền gửi ngân hàng | 292.954.596.038 | 239.276.657.490 |
| Các khoản tương đương tiền | 3.775.000.000.000 | 3.507.374.340.882 |
| | <u>4.070.456.552.343</u> | <u>3.748.457.003.885</u> |

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tuần đến 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6%/năm đến 14%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại | 25.000.000.000 | 58.500.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) | 177.000.000.000 | - |
| | <u>202.000.000.000</u> | <u>58.500.000.000</u> |

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 14%/năm, và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại PVFI được gia hạn đến 31 tháng 12 năm 2012 với lãi suất 2,4%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tạm ứng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) | 80.000.000.000 | - |
| Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn | 57.249.279.741 | 25.664.322.224 |
| Khác | 29.072.986.898 | 46.233.999.542 |
| | <u>166.322.266.639</u> | <u>71.898.321.766</u> |

Theo Thông báo số 8606/TB-DKVN ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, Tổng Công ty tạm ứng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) để thực hiện dự án Tòa nhà Cao ốc Bạc Liêu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, PVC Mê Kông chưa thực hiện xong các thủ tục tăng vốn điều lệ, do vậy khoản tạm ứng vốn điều lệ này được trình bày trên khoản mục "Các khoản phải thu khác".

8. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|--|---------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Hàng mua đang đi trên đường | 69.823.891.556 | 78.505.265.382 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 323.011.367.715 | 242.068.830.163 |
| Công cụ, dụng cụ | 4.937.805.436 | 2.189.351.418 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 54.089.522.986 | 14.199.580.754 |
| Thành phẩm | 132.282.869.306 | 91.042.176.910 |
| Hàng hóa | 586.454.316.157 | 246.769.657.403 |
| | <u>1.170.599.773.156</u> | <u>674.774.862.030</u> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | <u>(10.222.859.948)</u> | <u>(3.425.871.433)</u> |
| Giá trị thuần có thể thực hiện được | <u>1.160.376.913.208</u> | <u>671.348.990.597</u> |

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng cộng VND |
|--------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 1/1/2011 | 889.532.145.286 | 5.294.786.454.225 | 75.637.513.160 | 44.129.025.795 | 6.304.085.138.466 |
| Mua trong năm | 15.058.913.718 | 19.045.109.224 | 9.312.364.514 | 27.579.969.770 | 70.996.357.226 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 407.829.548.965 | 688.698.142 | 47.130.242 | 8.085.525.643 | 416.650.902.992 |
| Tăng khác | - | - | 30.000.000 | - | 30.000.000 |
| Thanh lý | (187.971.034) | - | - | (150.140.000) | (338.111.034) |
| Giảm khác | - | (41.167.500) | - | (59.575.711) | (100.743.211) |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>1.312.232.636.935</u> | <u>5.314.479.094.091</u> | <u>85.027.007.916</u> | <u>79.584.805.497</u> | <u>6.791.323.544.439</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 1/1/2011 | 552.473.150.962 | 4.783.028.045.289 | 53.144.504.999 | 16.320.210.684 | 5.404.965.911.934 |
| Khấu hao trong năm | 51.720.422.723 | 95.732.934.535 | 5.555.361.481 | 17.131.358.793 | 170.140.077.532 |
| Tăng khác | - | - | - | 3.501.822 | 3.501.822 |
| Thanh lý | (15.664.254) | - | - | (129.435.906) | (145.100.160) |
| Giảm khác | (1.289.879.872) | - | (719.381) | - | (1.290.599.253) |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>602.888.029.559</u> | <u>4.878.760.979.824</u> | <u>58.699.147.099</u> | <u>33.325.635.393</u> | <u>5.573.673.791.875</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>709.344.607.376</u> | <u>435.718.114.267</u> | <u>26.327.860.817</u> | <u>46.259.170.104</u> | <u>1.217.649.752.564</u> |
| Tại ngày 31/12/2010 | <u>337.058.994.324</u> | <u>511.758.408.936</u> | <u>22.493.008.161</u> | <u>27.808.815.111</u> | <u>899.119.226.532</u> |

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 5.335.434.384.183 đồng (31/12/2010: 5.455.516.599.005 đồng).

Toàn bộ Nhà cửa vật kiến trúc và Máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ với số tiền 43.076.880.833 đồng đã được thế chấp để bảo đảm cho Hợp đồng vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Bản quyền VND | Phần mềm VND | Khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 1/1/2011 | 80.885.746.363 | 159.117.493.074 | 18.402.650.769 | 9.538.318.032 | 267.944.208.238 |
| Mua trong năm | 10.962.577.000 | - | 4.864.972.118 | 396.878.364 | 16.224.427.482 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản | 579.236.316.984 | 12.323.643.983 | 21.295.167.336 | - | 612.855.128.303 |
| Thanh lý | - | - | (11.250.000) | - | (11.250.000) |
| Giảm khác | - | - | (23.760.000) | - | (23.760.000) |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>671.084.640.347</u> | <u>171.441.137.057</u> | <u>44.527.780.223</u> | <u>9.935.196.396</u> | <u>896.988.754.023</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 1/1/2011 | - | 159.117.493.074 | 3.220.784.951 | 9.538.318.032 | 171.876.596.057 |
| Khấu hao trong năm | 202.192.133 | 2.464.728.796 | 7.686.794.888 | 13.501.575 | 10.367.217.392 |
| Thanh lý | - | - | (11.250.000) | - | (11.250.000) |
| Giảm khác | - | - | (18.084.000) | - | (18.084.000) |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>202.192.133</u> | <u>161.582.221.870</u> | <u>10.878.245.839</u> | <u>9.551.819.607</u> | <u>182.214.479.449</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>670.882.448.214</u> | <u>9.858.915.187</u> | <u>33.649.534.384</u> | <u>383.376.789</u> | <u>714.774.274.574</u> |
| Tại ngày 31/12/2010 | <u>80.885.746.363</u> | <u>-</u> | <u>15.181.865.818</u> | <u>-</u> | <u>96.067.612.181</u> |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 168.842.111.106 đồng (31/12/2010: 168.710.811.106 đồng).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Kho Cảng Cái Cui - Cần Thơ | 122.575.593.205 | 96.023.047.507 |
| Kho An Giang | 39.233.289.888 | - |
| Kho Nam Phát - Tiền Giang | 34.854.969.899 | - |
| Kho Gia Lai | 25.242.660.028 | 12.677.660.028 |
| Dự án Amoniac | 24.397.090.908 | - |
| Kho Tây Ninh | 15.126.000.000 | 4.510.000.000 |
| Công trình 43 Mạc Đĩnh Chi | 5.732.174.223 | 432.199.782.107 |
| Hệ thống ERP | - | 26.286.284.628 |
| Kho Vũng Áng | - | 25.011.558.283 |
| Kho Nghi Sơn | - | 23.224.572.032 |
| Các công trình khác | 36.826.921.086 | 103.891.788.526 |
| | <u>303.988.699.237</u> | <u>723.824.693.111</u> |

Theo Quyết định số 751/QĐ-PBHC ngày 27 tháng 7 năm 2009, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án Đầu tư Kho cảng Cái Cui - Cần Thơ (Kho cảng tổng hợp 20.000 DWT) tại Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ (giai đoạn 1) với tổng mức đầu tư là 347.112.911.828 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 173.613.663.132 đồng, trong năm Tổng Công ty đã đưa vào sử dụng Nhà kho Cawaco với nguyên giá tạm tăng là 51.038.069.927 đồng.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | Quyền sử dụng đất VND | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 1/1/2011 | 50.284.152.000 | 124.524.224.037 | 174.808.376.037 |
| Mua trong năm | <u>24.500.000.000</u> | <u>33.973.459.131</u> | <u>58.473.459.131</u> |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>74.784.152.000</u> | <u>158.497.683.168</u> | <u>233.281.835.168</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 1/1/2011 | 684.138.123 | - | 684.138.123 |
| Khấu hao trong năm | 962.302.573 | 8.726.829.666 | 9.689.132.239 |
| Tăng khác | - | 1.289.879.872 | 1.289.879.872 |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>1.646.440.696</u> | <u>10.016.709.538</u> | <u>11.663.150.234</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 31/12/2011 | <u>73.137.711.304</u> | <u>148.480.973.630</u> | <u>221.618.684.934</u> |
| Tại ngày 31/12/2010 | <u>49.600.013.877</u> | <u>124.524.224.037</u> | <u>174.124.237.914</u> |

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị, cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; và Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Công ty không có ý định bán hay chuyển nhượng lại trong tương lai gần.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

| Tên công ty con | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ sở hữu (%) | | Hoạt động chính |
|---|-------------------------------|------------------|------|------------------------------------|
| | | 2010 | 2011 | |
| Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Miền Trung | Tỉnh Bình Định | 100 | 75 | Kinh doanh phân bón và hóa chất |
| Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ | Thành phố Cần Thơ | 100 | 75 | Kinh doanh phân bón và hóa chất |
| Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ | Thành phố Hồ Chí Minh | 100 | 75 | Kinh doanh phân bón và hóa chất |
| Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Miền Bắc | Thành phố Hà Nội | 100 | 75 | Kinh doanh phân bón và hóa chất |
| Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 51 | 51 | Sản xuất bao bì |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà dầu khí Miền Nam | Thành phố Hồ Chí Minh | 75 | 81 | Đầu tư kinh doanh bất động sản |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí | Thành phố Hồ Chí Minh | 100 | - | Kinh doanh phân bón và hóa chất |

Theo Nghị quyết số 1929/NQ-DKVN ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - Công ty cổ phần, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi các công ty con thành công ty cổ phần. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty còn sở hữu 75% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 100%) tại Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ và Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Bắc.

Theo Quyết định số 335/NQ-PBHC ngày 5 tháng 10 năm 2011 của Hội đồng quản trị, Công ty góp thêm 17.248.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà dầu khí Miền Nam bằng giá trị một số tài sản cố định là các phương tiện vận tải, đồng thời mua thêm một số cổ phần giá trị bằng tiền là 298.000.000 đồng. Theo đó, Công ty sở hữu 5.879.680 cổ phần tương ứng với tỷ lệ đầu tư là 81% kể từ ngày 5 tháng 10 năm 2011 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 75%).

Theo Quyết định số 16/NQ-PBHC ngày 12 tháng 1 năm 2011, Công ty đã thực hiện giải thể Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí, công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn. Theo đó, Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí chính thức chuyển đổi thành Chi nhánh Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - Công ty cổ phần căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303165480-010 ngày 28 tháng 1 năm 2011. Tuy nhiên, việc bàn giao tài sản giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí đã được thực hiện theo quyết định số 265/QĐ-PBHC đề ngày 1 tháng 4 năm 2011 với số liệu bàn giao là số liệu sổ sách tại ngày 1 tháng 4 năm 2011.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư vào Công ty liên kết | 519.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia | 8.582.677.298 | 7.111.515.018 |
| Chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu trong tài sản thuần của Công ty liên kết tại ngày mua (*) | 4.622.650.923 | - |
| Biến động tài sản thuần không trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (**) | (73.576.422.816) | - |
| | <u>458.628.905.405</u> | <u>27.111.515.018</u> |

(*) Tổng Công ty đã xác định khoản lãi phát sinh tại ngày mua do chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu của Tổng Công ty theo giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PV TEX) là 23.113.254.617 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định phân bổ chênh lệch này vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty trong thời gian là 5 năm, mỗi năm khoảng 4,6 tỷ đồng.

(**) Theo số liệu Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Hóa dầu và xơ sợi dầu khí (PVTEX) là công ty liên kết của Tổng Công ty, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ thời điểm mua (ngày 15/6/2011) đến ngày 31/12/2011 là khoảng (288) tỷ đồng, vì PVTEX đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản nên khoản chênh lệch tỷ giá trên không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của PVTEX, mà được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Bên cạnh đó, tỷ lệ lợi ích thực tế của Tổng Công ty trong tài sản thuần của PVTEX tại ngày 31/12/2011 là 25,48%, nên giá trị đầu tư tại PV TEX đã được điều chỉnh giảm đồng thời một khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã được ghi nhận trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011 với số tiền khoảng (73) tỷ đồng.

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ sở hữu (%) | 31/12/2011 VND | Hoạt động chính |
|--|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Phát triển đô thị dầu khí (PVC-Mekong) | TP. Cà Mau | 20 | 26.412.636.214 | Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp |
| Công ty Cổ phần Hóa dầu và xơ sợi tổng hợp dầu khí (PVTEX) | TP. Hải Phòng | 25 | 432.216.269.191 | Sản xuất và kinh doanh xơ sợi Polyeste |
| | | | <u>458.628.905.405</u> | |

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|---|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng tài sản | 7.117.435.446.917 | 585.565.810.606 |
| Tổng công nợ | 5.216.180.694.037 | 457.056.075.375 |
| Tài sản thuần | 1.901.254.752.880 | 128.509.735.231 |
| Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết | 458.628.905.405 | 27.111.515.018 |

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

| | Năm 2011 | Năm 2010 |
|---|----------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Doanh thu thuần | 721.917.003.581 | 491.122.542.486 |
| Lợi nhuận thuần | 30.545.641.810 | 24.184.898.586 |
| Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết | 6.424.087.304 | 4.836.979.717 |

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|---|------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Góp vốn vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và xơ sợi dầu khí (PVTEX) | - | 270.000.000.000 |
| Khác | 43.591.357.921 | 73.591.357.921 |
| | <u>43.591.357.921</u> | <u>343.591.357.921</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn và không có khoản đầu tư nào giảm giá, do vậy Tổng Công ty không phải trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ | 5.618.251.495 | 6.180.076.651 |
| Lợi thế kinh doanh | 88.616.799.064 | 177.233.598.148 |
| Vật tư phụ tùng thay thế | 61.700.077.851 | 77.125.097.319 |
| Chi phí đào tạo học viên cho Nhà máy Đạm Cà Mau | 69.469.257.424 | 32.107.384.773 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 53.615.525.070 | 20.301.699.856 |
| | <u>279.019.910.904</u> | <u>312.947.856.747</u> |

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Vietcombank - Chi nhánh Vũng Tàu | 9.205.641.372 | 3.591.391.630 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | 82.029.192.368 |
| | <u>9.205.641.372</u> | <u>85.620.583.998</u> |

Khoản vay của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ theo Phụ lục hợp đồng tín dụng hạn mức số 2009/ĐPM/PL02 ngày 28 tháng 04 năm 2010 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức là 20.000.000.000 đồng. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động mua nguyên vật liệu sản xuất bao bì các loại. Lãi suất vay theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|----------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Thuế giá trị gia tăng | 12.780.283.409 | 2.529.249.447 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 87.299.170.055 | 77.564.627.561 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 6.885.813.006 | 1.964.673.247 |
| Các loại thuế khác | 9.959.741 | - |
| | <u>106.975.226.211</u> | <u>82.058.550.255</u> |

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2011 | - | 147.231.991.964 |
| Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2013 | 72.380.000.004 | - |
| Chi phí an sinh xã hội | 38.283.665.997 | 11.092.665.603 |
| Chi phí thi công công trình trích trước | 20.150.988.108 | - |
| Khác | 68.420.702.504 | 28.945.126.417 |
| | <u>199.235.356.613</u> | <u>187.269.783.984</u> |

Trong năm 2011, Tổng Công ty đã trích trước 72.380.000.000 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong năm 2013.

Theo quyết định 1762/QĐ-DKVN ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty trích lập quỹ an sinh xã hội 150 tỷ đồng để thực hiện chương trình an sinh xã hội của toàn tập đoàn trong năm 2011. Tại 31 tháng 12 năm 2011, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng nhận hỗ trợ là 38.283.665.997 đồng.

20. VAY DÀI HẠN

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|---|-------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Ngân hàng TMCP Á Châu và Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu | - | 246.087.577.105 |
| | <u>-</u> | <u>246.087.577.105</u> |

Khoản vay của Công ty theo Hợp đồng tín dụng số 60095579 ngày 29 tháng 5 năm 2009 với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu (PVFC - Vũng Tàu) và Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) với số tiền vay là 23.905.925 Đô la Mỹ, trong đó ACB cho vay 7.200.000 Đô la Mỹ, PVFC - Vũng Tàu cho vay 16.705.925 Đô la Mỹ. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí đầu tư Hệ thống thu hồi CO2 từ khói thải Primary Reformer nâng công suất Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ 740.000 tấn lên 800.000 tấn Urea /năm. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư nợ vay của hợp đồng này là 17.331.332 Đô la Mỹ tương đương 328.116.769.473 đồng. Trong đó, ACB là 5.199.302 đô la Mỹ tương đương 98.433.190.955 đồng và PVFC - Vũng Tàu là 12.132.029 đô la Mỹ tương đương 229.683.578.518 đồng. Toàn bộ khoản vay này đã được thanh toán trước hạn trong năm 2011.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẤU B 09-DN

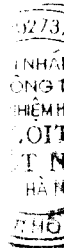
21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ | | Vốn khác của chủ sở hữu | | Cổ phiếu quỹ | | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | Quỹ đầu tư phát triển | | Quỹ dự phòng tài chính | | Quỹ khác thuộc vốn CSH | | Lợi nhuận chưa phân phối | | Tổng cộng | | |
|--|--------------------------|--------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------|------------------------|----------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|-----|-----------|-----|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | |
| Số dư tại 1/1/2010 | 3.800.000.000.000 | 209.233.309 | (43.296.089.299) | (1.915.614.125) | 302.757.044.494 | 201.745.548.833 | 229.923.506 | 1.228.173.483.976 | 5.487.903.530.694 | | | | | | | | | | |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 1.703.175.990.418 |
| Cổ phiếu quỹ mua trong năm | - | - | (39.981.041.328) | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | (39.981.041.328) |
| Trích từ lợi nhuận | - | - | - | - | 547.413.566.679 | 139.966.665.612 | 112.672.197 | (772.925.968.555) | (85.433.064.067) | | | | | | | | | | (85.433.064.067) |
| Trả cổ tức | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | (871.645.420.000) |
| Tặng/(giảm) khác | - | 47.888.689 | - | (1.614.533.927) | (276.987.689) | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | (261.049.169) |
| Số dư tại 31/12/2010 | 3.800.000.000.000 | 257.121.998 | (83.277.130.627) | (3.530.148.052) | 849.893.623.484 | 341.712.214.445 | 342.595.703 | 1.288.360.669.597 | 6.193.758.946.548 | 3.104.293.433.980 | (684.211.020) | (1.399.480.841) | 2.668.824.162.711 | 1.476.187.551 | 8.227.079.406.507 | | | | |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 3.104.293.433.980 |
| Cổ phiếu quỹ mua trong năm (1) | - | - | (684.211.020) | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | (684.211.020) |
| Trích từ lợi nhuận (2) | - | - | - | - | 583.702.789.596 | 161.320.138.135 | 211.557.766 | (745.234.485.497) | (242.896.587.736) | | | | | | | | | | - |
| Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | (242.896.587.736) |
| Kết chuyển nguồn | - | 720.665.046 | - | - | (13.356.597.669) | (8.356.620.585) | - | 20.992.553.208 | - | | | | | | | | | | - |
| Trả cổ tức (2) | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | (755.291.940.000) |
| Chênh lệch tỷ giá trong tài sản thuần của Công ty liên kết (3) | - | - | - | (73.576.422.816) | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | (73.576.422.816) |
| Tặng/(giảm) khác | - | - | - | 2.694.803.722 | 140.685.960 | 40.178.710 | (1.399.480.841) | 1.476.187.551 | | | | | | | | | | | |
| Số dư tại 31/12/2011 | 3.800.000.000.000 | 977.787.044 | (83.961.341.647) | (74.411.767.146) | 1.420.380.501.371 | 494.715.910.705 | 554.153.469 | 2.668.824.162.711 | 8.227.079.406.507 | 3.104.293.433.980 | (684.211.020) | (1.399.480.841) | 2.668.824.162.711 | 1.476.187.551 | 8.227.079.406.507 | | | | |

(1): Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện mua tổng số 28.540 cổ phiếu quỹ với giá bình quân mua vào là 23.974 đồng/ cổ phiếu.

(2): Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập các Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Dự phòng tài chính của Tổng Công ty và các Công ty con với số tiền tương ứng 583.707.480.341 đồng và 161.339.815.467 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty mẹ và các Công ty con. Quỹ Khen thưởng phúc lợi trích lập trong năm bao gồm 135.315.413.818 đồng từ lợi nhuận năm 2010 và 107.581.173.918 đồng tạm trích từ lợi nhuận năm 2011.



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MÀU B 09-DN

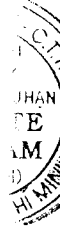
Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 09 tháng 4 năm 2011, Tổng Công ty công bố và chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 755.295.480.000 đồng (2.000 đồng/cổ phần). Trong đó chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 (thực hiện trong Quý 3/2010) là 377.647.740.000 đồng (1.000 đồng/cổ phần). Ngày 21 tháng 4 năm 2011, Tổng Công ty công bố về việc chi trả cổ tức đợt 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sau khi trích lập các quỹ với số tiền 377.647.740.000 đồng. Ngày 25 tháng 8 năm 2011, Tổng Công ty đã công bố về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 với mức 1.000 đồng/ cổ phần (10% mệnh giá), theo đó, Tổng Công ty đã tạm trích 377.644.200.000 đồng.

(3) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14: chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ thời điểm mua Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Hóa dầu và xơ sợi dầu khí (PVTEX) đến ngày 31/12/2011 là khoảng (288) tỷ đồng, do PVTEX đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản nên khoản chênh lệch tỷ giá trên không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, mà được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng Cân đối kế toán của PVTEX. Bên cạnh đó, tỷ lệ lợi ích thực tế của Tổng Công ty trong tài sản thuần của PVTEX tại ngày 31/12/2011 là 25,48% nên giá trị đầu tư tại PV TEX đã được điều chỉnh giảm đồng thời một khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã được ghi nhận trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011 với số tiền khoảng (73) tỷ đồng.

Chi tiết vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

| Cổ đông | Tỷ lệ (%) | 31/12/2011 VND |
|---------------------------|---------------|--------------------------|
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 61,37 | 2.332.042.530.000 |
| Các cổ đông khác | 38,63 | 1.467.957.470.000 |
| | 100,00 | 3.800.000.000.000 |

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 380.000.000 cổ phần, trong đó Công ty đang nắm giữ 2.380.800 cổ phiếu quỹ tương đương với 2.380.800 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Công ty chi phát hành một loại cổ phần thường. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền hừa hưởng như nhau đối với giá trị thuần của Công ty.



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

22. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các Công ty con được xác định như sau:

| | Công ty CP PBHCDK Miền Trung | Công ty CP PBHCDK Tây Nam Bộ | Công ty CP PBHCDK Đông Nam Bộ | Công ty CP PBHCDK Miền Bắc | Công ty CP Bao bi Đạm Phú Mỹ | Công ty CP QL và PT nhà Dầu khí Miền Nam |
|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|--|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Vốn điều lệ của công ty con | 100.000.000.000 | 170.000.000.000 | 125.000.000.000 | 120.000.000.000 | 42.000.000.000 | 72.248.000.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Vốn phân bổ cho Tổng Công ty | 75.000.000.000 | 127.500.000.000 | 93.750.000.000 | 90.000.000.000 | 21.410.000.000 | 58.796.800.000 |
| Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số | 25.000.000.000 | 42.500.000.000 | 31.250.000.000 | 30.000.000.000 | 20.590.000.000 | 13.451.200.000 |
| Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số | 25,00% | 25,00% | 25,00% | 25,00% | 49,02% | 18,62% |

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|--------------------------|------------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tổng tài sản | 268.403.750.593 | 47.856.087.163 |
| Tổng nợ phải trả | (83.526.648.517) | (11.393.635.978) |
| Tài sản thuần | <u>184.877.102.076</u> | <u>36.462.451.185</u> |
| <i>Chi tiết như sau:</i> | | |
| Vốn điều lệ | 162.791.200.000 | 34.340.000.000 |
| Các quỹ khác | 8.051.285.497 | 2.026.387.779 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | <u>14.034.616.579</u> | <u>96.063.406</u> |

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011:

| | 2011 | 2010 |
|--|-----------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lợi nhuận trong năm | 143.047.592.636 | 8.717.615.438 |
| Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh | <u>36.318.726.268</u> | <u>3.693.114.240</u> |

Biến động của lợi ích cổ đông thiểu số trong năm như sau:

| | Vốn điều lệ | Vốn khác thuộc chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Chênh lệch tỷ giá | Quỹ khác thuộc vốn CSH | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng |
|----------------------|-----------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|------------------------|--------------------------|------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Số dư tại 31/12/2010 | 34.340.000.000 | 247.255.971 | 1.292.134.225 | 157.440.087 | 107.532 | 329.449.964 | 96.063.406 | 36.462.451.185 |
| Góp vốn trong năm | 128.451.200.000 | - | - | - | - | - | - | 128.451.200.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | 36.318.726.268 | 36.318.726.268 |
| Trích từ lợi nhuận | - | - | 4.202.780.722 | 2.001.668.455 | - | - | (11.664.343.628) | (5.459.894.451) |
| Trả cổ tức | - | - | - | - | - | - | (10.688.863.084) | (10.688.863.084) |
| Khác | - | 692.938.633 | (968.260.015) | (107.526.658) | (101.690) | 203.398.271 | (26.966.383) | (206.517.842) |
| Số dư tại 31/12/2011 | 162.791.200.000 | 940.194.604 | 4.526.654.932 | 2.051.581.884 | 5.842 | 532.848.235 | 14.034.616.579 | 184.877.102.076 |

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

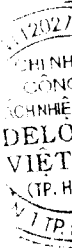
Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp và các sản phẩm hóa chất khác, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh.

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Công ty mẹ đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh khác nhau gồm: 02 Chi nhánh, 01 Nhà máy, 01 Ban Quản lý dự án công trình xây dựng và 06 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Sản phẩm và dịch vụ của Tổng Công ty được cung cấp thông qua hệ thống đại lý, các Chi nhánh và 06 công ty con.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty theo từng đơn vị như sau:

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

| | Công ty | | Công ty | | Công ty | | Công ty | | Công ty CP | | Điều chỉnh hợp nhất | Tổng cộng |
|-----------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|----------------------------------|-------------------|---------------------|-------------------|-----|---------------------|-----------|
| | Tổng Công ty | CP PBHCDK Miền Trung | CP PBHCDK Tây Nam Bộ | CP PBHCDK Đông Nam Bộ | CP PBHCDK Miền Bắc | CP QL và PT nhà Dầu khí Miền Nam | Bao bì Đạm Phú Mỹ | Điều chỉnh hợp nhất | VND | VND | | |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản | | | | | | | | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 8.536.229.008.303 | 218.938.999.066 | 273.351.688.574 | 196.117.763.095 | 143.240.592.830 | 132.027.951.625 | 74.716.831.469 | (738.089.112.377) | 8.836.533.722.585 | | | |
| Đầu tư vào Công ty liên kết | 519.000.000.000 | - | - | - | - | - | - | (60.371.094.595) | 458.628.905.405 | | | |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | - | - | - | - | - | - | | | |
| Tổng tài sản | 9.055.229.008.303 | 218.938.999.066 | 273.351.688.574 | 196.117.763.095 | 143.240.592.830 | 132.027.951.625 | 74.716.831.469 | (798.460.206.972) | 9.295.162.627.990 | | | |
| Nợ phải trả | | | | | | | | | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 817.255.753.520 | 102.106.142.415 | 79.323.791.696 | 56.379.837.271 | 16.029.112.654 | 49.599.095.466 | 22.559.816.500 | (260.047.430.115) | 883.206.119.407 | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | - | - | - | - | - | - | | | |
| Tổng nợ phải trả | 817.255.753.520 | 102.106.142.415 | 79.323.791.696 | 56.379.837.271 | 16.029.112.654 | 49.599.095.466 | 22.559.816.500 | (260.047.430.115) | 883.206.119.407 | | | |



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

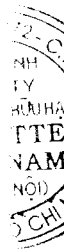
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN

Kết quả kinh doanh hợp nhất

| | Công ty | | Công ty | | Công ty | | Công ty CP | | Công ty TNHH | | Điều chỉnh | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------------|--------------------------|------------|--------------------|
| | CP PBHCDK | Miền Trung | CP PBHCDK | Đông Nam Bộ | CP PBHCDK | Miền Bắc | CP QL và PT nhà | Bao bi | MTV TMDV | Đầu khí Miền Nam | Đạm Phú Mỹ | Đầu chỉnh hợp nhất |
| Tổng Công ty | VND | | VND | | VND | | VND | | VND | | VND | |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 7.655.679.058.679 | 2.211.987.455.710 | 2.660.856.972.664 | 2.462.188.168.100 | 1.512.518.879.804 | 135.773.145.861 | 115.411.006.310 | 89.623.916.129 | (7.565.177.224.115) | 9.278.861.379.142 | | |
| Các khoản giảm trừ | 53.659.186.136 | 14.867.163.230 | 13.581.028.906 | 21.902.948.660 | 1.976.629.507 | - | - | - | (53.659.186.136) | 52.327.770.303 | | |
| Doanh thu thuần | 7.602.019.872.543 | 2.197.120.292.480 | 2.647.275.943.758 | 2.440.285.219.440 | 1.510.542.250.297 | 135.773.145.861 | 115.411.006.310 | 89.623.916.129 | (7.511.518.037.979) | 9.226.533.608.839 | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp cho khách hàng ngoài Tổng Công ty | 397.974.177.479 | 2.162.739.966.623 | 2.628.811.422.911 | 2.396.310.057.839 | 1.495.758.971.471 | 18.126.941.434 | 73.152.884.946 | - | - | 9.172.874.422.703 | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ | 7.204.045.695.064 | 34.380.325.857 | 18.464.520.847 | 43.975.161.601 | 14.783.278.826 | 117.646.204.427 | 42.258.121.364 | 89.623.916.129 | (7.511.518.037.979) | 53.659.186.136 | | |
| Tổng doanh thu thuần | 7.602.019.872.543 | 2.197.120.292.480 | 2.647.275.943.758 | 2.440.285.219.440 | 1.510.542.250.297 | 135.773.145.861 | 115.411.006.310 | 89.623.916.129 | (7.511.518.037.979) | 9.226.533.608.839 | | |
| Giá vốn hàng bán | 3.798.294.922.197 | 2.126.497.796.242 | 2.583.480.566.728 | 2.370.481.116.377 | 1.444.494.393.105 | 113.007.308.346 | 89.179.424.676 | 82.610.881.076 | (7.416.791.776.264) | 5.191.254.652.483 | | |
| Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.803.724.950.346 | 70.622.496.238 | 63.795.377.030 | 69.804.103.063 | 66.047.857.192 | 22.765.837.515 | 26.231.581.634 | 7.013.035.053 | (94.726.261.715) | 4.035.278.976.356 | | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 598.035.818.598 | 5.777.893.743 | 18.837.406.161 | 15.092.817.697 | 9.554.122.867 | 3.460.248.017 | 981.719.079 | 11.960.488.507 | (137.021.072.595) | 526.679.442.074 | | |
| Chi phí tài chính | 68.794.763.342 | 2.076.506.360 | - | 51.420.015 | - | 15.428.600 | 934.522.083 | 2.454.297.099 | (288.869.694) | 74.038.067.805 | | |
| Chi phí bán hàng | 461.540.749.528 | 14.305.262.006 | 10.168.044.702 | 18.565.951.984 | 30.088.587.698 | 456.924.891 | 3.808.541.823 | 2.245.724.134 | (48.343.521.031) | 492.836.265.735 | | |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 441.512.649.319 | 18.135.314.332 | 17.056.534.816 | 22.044.779.151 | 15.258.423.055 | 11.575.733.451 | 12.862.246.319 | 2.488.077.335 | (38.330.451.210) | 502.603.306.568 | | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 3.429.912.606.755 | 41.883.307.283 | 55.408.203.673 | 44.234.769.610 | 30.254.969.306 | 14.177.998.590 | 9.607.990.488 | 11.785.424.992 | (144.784.492.375) | 3.492.480.778.322 | | |
| Lợi nhuận khác | 10.964.241.818 | 77.421.580 | 13.636.364 | 136.347.240 | 16.544.353 | 57.706.210 | (327.369.925) | 897.931.231 | (4.580.772.574) | 7.255.086.297 | | |
| Lợi nhuận từ Công ty liên doanh, liên kết | | | | | | | | | | | | |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.440.876.848.573 | 41.960.728.863 | 55.421.840.037 | 44.371.116.850 | 30.271.513.659 | 14.235.704.800 | 9.280.620.563 | 12.683.356.223 | (138.861.883.774) | 3.510.239.845.794 | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 317.708.671.428 | 10.631.670.570 | 13.993.698.624 | 11.331.961.026 | 7.271.296.757 | 3.957.630.440 | 977.037.483 | 3.170.839.056 | - | 369.042.805.384 | | |
| Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại | 2.989.712.564 | - | - | - | 433.863.172 | - | - | - | (2.838.695.574) | 584.880.162 | | |
| Kết quả kinh doanh theo đơn vị | 3.120.178.464.581 | 31.329.058.293 | 41.428.141.413 | 33.039.155.824 | 22.566.353.730 | 10.278.074.360 | 8.303.583.080 | 9.512.517.167 | (136.023.188.200) | 3.140.612.160.248 | | |



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

24. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

| | Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VND | Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------------|--|--|--------------------------|
| Từ 1/1/2011 đến 31/12/2011 | | | |
| Doanh thu | 6.768.159.614.159 | 2.458.373.994.680 | 9.226.533.608.839 |
| Giá vốn hàng bán | (2.760.887.985.242) | (2.430.366.647.241) | (5.191.254.632.483) |
| <i>Trong đó: Trích lập dự phòng</i> | | (6.796.988.515) | (6.796.988.515) |
| Lợi nhuận gộp | 4.007.271.628.917 | 28.007.347.439 | 4.035.278.976.356 |
| Từ 1/1/2010 đến 31/12/2010 | | | |
| Doanh thu | 5.091.424.261.250 | 1.527.359.737.168 | 6.618.783.998.418 |
| Giá vốn hàng bán | (2.712.101.346.028) | (1.523.993.481.875) | (4.236.094.827.903) |
| <i>Trong đó: Trích lập dự phòng</i> | - | (3.425.871.433) | (3.425.871.433) |
| Lợi nhuận gộp | 2.379.322.915.222 | 3.366.255.293 | 2.382.689.170.515 |

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

| | 2011 VND | 2010 VND |
|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu Ure | 6.453.341.863.786 | 4.790.081.223.736 |
| Doanh thu Amoniac | 36.273.170.013 | 186.892.922.107 |
| Doanh thu điện | 7.693.247.916 | 10.201.609.113 |
| Doanh thu khác | 323.159.407.509 | 134.105.121.710 |
| | 6.820.467.689.224 | 5.121.280.876.666 |
| Chiết khấu thương mại | 52.308.075.065 | 26.999.472.560 |
| Giảm giá hàng bán | - | 2.857.142.856 |
| | 6.768.159.614.159 | 5.091.424.261.250 |

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 2011 VND | 2010 VND |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu | 2.179.431.068.686 | 1.587.377.650.031 |
| Chi phí nhân công | 391.133.521.243 | 277.170.401.681 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 190.196.427.163 | 687.289.914.263 |
| Chi phí mua ngoài khác | 384.713.811.134 | 440.883.132.702 |
| Chi phí bằng tiền khác | 601.504.421.761 | 394.941.456.571 |
| | 3.746.979.249.988 | 3.387.662.555.248 |

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2011 VND | 2010 VND |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| Lãi tiền gửi | 514.219.760.206 | 338.756.648.665 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 4.992.998.186 | 288.000.000 |
| Khác | 7.466.683.682 | 4.047.003.870 |
| | 526.679.442.074 | 343.091.652.535 |

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

| | 2011 | 2010 |
|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 27.900.441.399 | 8.349.710.449 |
| Chênh lệch tỷ giá | 39.067.463.965 | 62.423.713.405 |
| Khác | 7.070.162.441 | 10.261.038.967 |
| | 74.038.067.805 | 81.034.462.821 |

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 2011 | 2010 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 369.042.805.384 | 226.887.699.805 |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bổ sung | - | 627.062.405 |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 369.042.805.384 | 227.514.762.210 |

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (năm 2008). Năm 2011 là năm thứ tư Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ tám kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | 2011 | 2010 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.104.293.433.980 | 1.703.175.990.418 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản | 374.542.632 | 378.560.156 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 8.288 | 4.499 |

30. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 11.652.728.108 | 14.346.601.261 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 33.610.888.221 | 22.924.219.188 |
| Sau năm năm | 31.795.489.104 | 28.702.378.545 |
| | 77.059.105.432 | 65.973.198.994 |

Từ ngày 3 tháng 9 năm 2005, Tổng Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 1 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 3 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 378.392 đô la Mỹ/năm.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Ngày 1 tháng 11 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê văn phòng ở Campuchia với thời hạn 3 năm và tiền thuê hàng tháng là 1.500 đô la Mỹ/tháng.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty con.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi số | |
|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.070.456.552.343 | 3.748.457.003.885 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 232.795.849.099 | 142.184.416.577 |
| Đầu tư ngắn hạn | 202.000.000.000 | 58.500.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | 43.591.357.921 | 343.591.357.921 |
| Tài sản tài chính khác | 266.713.819 | 10.548.583.250 |
| Tổng cộng | <u>4.549.110.473.182</u> | <u>4.303.281.361.633</u> |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 9.205.641.372 | 331.708.161.103 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 346.746.305.819 | 423.951.306.724 |
| Chi phí phải trả | 199.235.356.613 | 187.269.781.984 |
| Tổng cộng | <u>555.187.303.804</u> | <u>942.929.249.811</u> |

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Quản lý rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

| | Công nợ | | Tài sản | |
|-----------------------|---------------|-----------------|-----------------|---------------|
| | 31/12/2011 | 31/12/2010 | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Đô la Mỹ (USD) | 4.260.029.420 | 597.806.637.247 | 147.465.726.357 | 1.755.187.612 |
| Euro (EUR) | 150.052.595 | - | 39.588.091 | 40.793.413 |
| Đô la Singapore (SGD) | - | - | - | 659.819 |

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

| | <u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u> | <u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u> | <u>Tổng cộng</u> <u>VND</u> |
|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| 31/12/2011 | | | |
| Các khoản vay | 9.205.641.372 | - | 9.205.641.372 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 346.746.305.819 | - | 346.746.305.819 |
| Chi phí phải trả | 199.235.356.613 | - | 199.235.356.613 |
| Tổng cộng | 555.187.303.804 | - | 555.187.303.804 |
| 31/12/2010 | | | |
| Các khoản vay | 85.620.583.998 | 246.087.577.105 | 331.708.161.103 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 423.951.306.724 | - | 423.951.306.724 |
| Chi phí phải trả | 187.269.781.984 | - | 187.269.781.984 |
| Tổng cộng | 696.841.672.706 | 246.087.577.105 | 942.929.249.811 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | <u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u> | <u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u> | <u>Tổng cộng</u> <u>VND</u> |
|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| 31/12/2011 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.070.456.552.343 | - | 4.070.456.552.343 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 232.795.849.099 | - | 232.795.849.099 |
| Đầu tư ngắn hạn | 202.000.000.000 | - | 202.000.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 43.591.357.921 | 43.591.357.921 |
| Tài sản tài chính khác | 103.419.619 | 163.294.200 | 266.713.819 |
| Tổng cộng | 4.505.355.821.061 | 43.754.652.121 | 4.549.110.473.182 |
| 31/12/2010 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.748.457.003.885 | - | 3.748.457.003.885 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 142.184.416.577 | - | 142.184.416.577 |
| Đầu tư ngắn hạn | 58.500.000.000 | - | 58.500.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 343.591.357.921 | 343.591.357.921 |
| Tài sản tài chính khác | 9.654.900.324 | 893.682.926 | 10.548.583.250 |
| Tổng cộng | 3.958.796.320.786 | 344.485.040.847 | 4.303.281.361.633 |

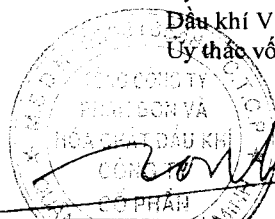
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | 2011 | 2010 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 499.313.154.111 | 561.095.083.834 |
| <i>Cổ tức trả Tập đoàn</i> | <i>466.408.506.000</i> | <i>536.369.781.900</i> |
| <i>Phí Quản lý nộp Tập đoàn</i> | <i>32.904.648.111</i> | <i>24.725.301.934</i> |
| Bán đạm cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 373.924.660.745 | 271.585.801.409 |
| Giá trị Dự án Mạc Đĩnh Chi nhận từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam | 190.620.250.351 | - |
| Giá trị Dự án Mạc Đĩnh Chi nhận từ Công ty Cổ phần Bất động sản tài chính Dầu khí Việt Nam | 36.942.483.601 | 210.000.000.000 |
| Chi phí thi công Dự án Mạc Đĩnh Chi do Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí (PVC-IC) thực hiện | 161.917.824.793 | 59.931.721.934 |
| Mua khí đầu vào từ Tổng Công ty Khí Việt Nam | <u>1.926.771.062.298</u> | <u>1.346.190.365.185</u> |
| Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | <u>14.453.066.403</u> | <u>8.667.818.706</u> |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

| | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|---|------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | - | 6.897.966.116 |
| Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong) | 7.033.309.000 | - |
| Phải trả Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP | - | 269.472.389.374 |
| Phải trả Công ty Cổ phần Vận chuyên khí Đông Nam Bộ | 195.468.590.693 | - |
| Phải trả Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV | 18.285.400.000 | - |
| Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí | 11.043.000.000 | - |
| Phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí (PVC-IC) | 15.042.870.801 | - |
| Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam | 11.000.000.000 | - |
| Phải trả Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau | 8.112.540.000 | - |
| Phải thu Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn | 1.353.902.194 | 8.202.066.405 |
| Ứng trước Công ty CP Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí (PVC-IC) | 3.012.188.600 | - |
| Ứng trước Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong) | 100.335.295.400 | - |
| Ứng trước Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - CN Thành phố Hồ Chí Minh | 13.496.025.035 | - |
| Phải thu Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam | 19.012.777.778 | - |
| Ủy thác vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam | 177.000.000.000 | 250.000.000.000 |
| Ủy thác vốn tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí | <u>595.000.000.000</u> | <u>1.171.200.000.000</u> |

**Nguyễn Văn Tổng**
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2012

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng